

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 26-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 02/2019/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Khắc Trọng Đ, sinh ngày 15-6-1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc S và bà Lưu Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 19-7-2018 đến ngày 23-11-2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

2. Phạm Ngọc L (tên gọi khác là Đ1), sinh ngày 14-9-1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố , phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tuấn M và bà Hoàng Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 19-7-2018 đến ngày 23-11-2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

3. Lê Văn T, sinh ngày 08-9-2000 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Lê Thị Bích L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05-12-2018; có mặt.

4. Nguyễn Văn H, sinh ngày 31-10-2000 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Hoàng Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12-01-2019; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc L:* Bà Nguyễn Thị N và bà Ngô Thị Tuyết N - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Thị Ninh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

- *Bị hại:* Anh Đinh Xuân S, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Mậu D; vắng mặt;
2. Anh Đinh Xuân C và người đại diện hợp pháp là bà Đặng Thị T; vắng mặt;
3. Anh Lương Văn Đ và người đại diện hợp pháp là bà Đặng Thị Y; vắng mặt;
4. Anh Triệu Văn T; vắng mặt;
5. Anh Phan Minh Đ; vắng mặt;
6. Anh Nguyễn Tuấn A; vắng mặt;
7. Anh Đinh Đức T; vắng mặt;
8. Anh Bùi Quang Tr và người đại diện hợp pháp là ông Bùi Mạnh H; vắng mặt;
9. Anh Lê Công M; vắng mặt;
10. Anh Lưu Đắc T; vắng mặt;
11. Chị Đỗ Thị Ngọc B; vắng mặt;
12. Anh Bùi Song Sơn; vắng mặt;
13. Anh Vũ Nam A và người đại diện hợp pháp là bà Đinh Thị P; vắng mặt;

14. Anh Đỗ Tuấn Đ; vắng mặt;
15. Anh Cung Đình Đ; vắng mặt;
16. Anh Hoàng Gia Q; vắng mặt;
17. Anh Hoàng Đình Đ; vắng mặt;
18. Anh Nguyễn Tuấn A; vắng mặt;
19. Anh Phạm Duy B và người đại diện hợp pháp là ông Phạm Vương Q; vắng mặt;
20. Anh Đinh Xuân H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 14-4-2018, Phạm Ngọc L (tên gọi khác: Đ1), Nguyễn Văn H, Lê Văn T, Đinh Xuân S và một số người khác là thành viên của đội bóng đá Đồ Hải đến hát Karaoke tại phòng 8888 tầng 4 quán Melody thuộc khu I, Vạn Sơn, Đồ Sơn. Trong quá trình hát, giữa T, H với L xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến xô đẩy nhau.

Sau đó, H đi xe mô tô biển kiểm soát 15M1-000.01 chở T đi về để cho Nguyễn Khắc Trọng Đ (là bạn của H và T) mượn xe mô tô.

Khi đến nơi thấy Đ đang ngồi ở cửa quán, T đi lại gặp Đ nói với Đ “vừa nãy tao đi hát bị thằng Đ1 béo đánh”, Đ nói “làm sao lại bị đánh, chở tao ra đây xem thế nào”, T nói “mày ra đây làm gì?”, Đ nói “chở tao ra đây để tao nói chuyện xem thế nào”. T đồng ý, điều khiển xe mô tô chở H và Đ định quay lại quán Melody thì lúc đó Đ nói chở Đ về nhà để lấy áo che mưa, do lúc đó trời đang mưa, T đồng ý. Đ về nhà lấy một con dao (dạng dao bầu) dài 44,5cm, trong đó: phần bản dao bằng kim loại màu đen dài 28,7cm, chỗ rộng nhất dài 06cm; phần tay cầm bằng gỗ màu đen dài 15,8cm, dao được đựng trong vỏ hộp bằng gỗ màu nâu đen dài 40cm, bên ngoài quấn băng keo màu trắng cho vào một túi nilon màu trắng, cán dao thò ra ngoài, đeo khẩu trang che mặt và mặc một chiếc áo trùm đầu mục đích để người khác không nhận ra khi giải quyết mâu thuẫn rồi đi ra gặp T và H. Khi thấy Đ cầm chiếc túi đựng dao, che mặt thì T và H biết là Đ sẽ sử dụng con dao này để giải quyết mâu thuẫn với L nhưng T và H không nói gì. T điều khiển xe mô tô chở H và Đ đi đến quán Melody để tìm L giải quyết mâu thuẫn.

Sau khi H và T đi về, anh S và L đi ra ghế sofa ở hành lang tầng 4 ngồi nói chuyện để khuyên can L thì giữa L và anh S xảy ra mâu thuẫn, L đã dùng tay phải tát vào má trái của anh S, L chạy vào trong phòng hát mỗi tay cầm một chai bia, lúc đó anh S đi ra bồn rửa mặt ở sát tường cuối hành lang, L chạy đến gần tay phải cầm một chai bia ném về phía người anh S, chai bia trúng vào tường,

một số mảnh vỡ bắn vào đầu anh S, làm anh S bị thương tích ở vùng thái dương trái. L được mọi người can ngăn, sau đó về nhà.

Khi T chở H và Đ đến chỗ để xe quán Melody, Đ hỏi T “mày vừa bị thằng nào đánh để tao nên xem thế nào”, T nói “bị thằng Đ béo đánh”, Đ hỏi “ở tầng mấy”, T nói “ở tầng 4”. Đ cầm chiếc túi đựng dao đi lối cầu thang bộ lên tầng thì T và H đuổi theo, T bảo Đ “đưa đây” đồng thời giật lấy chiếc túi đựng con dao mà Đ đang cầm rồi đi tìm L giải quyết mâu thuẫn. Sau đó T cùng Đ, H đi lên tầng 4 thì thấy anh S đang ngồi ở ghế sofa, đầu bị thương. T hỏi anh S thì được biết anh S vừa bị L ném chai bia vào đầu gây thương tích. Sơn khuyên T “chúng mày về đi” nhưng T không về mà còn chửi bới L và cùng Đ, H tìm L nhưng không tìm thấy.

Phạm Ngọc L sau khi về nhà đã đi xe mô tô của L quay lại quán Karaoke Melody. Khi đến nơi, L lấy một con dao (dạng dao phay) dài 35,3cm, trong đó: phần bản dao dạng hình chữ nhật bằng kim loại màu đen, kích thước (23 x 5,8)cm, phần tay cầm hình trụ tròn bằng gỗ màu đen dài 12,3cm, hai bên đầu tay cầm có đai kim loại bọc bên ngoài; một con dao (dạng dao rựa) dài 44cm bằng kim loại (sắt), trong đó: phần bản dao dạng hình chữ nhật màu nâu dài 32 cm, phần tay cầm hình trụ tròn dài khoảng 12cm ở trong cốp xe (tay phải cầm dao phay, tay trái cầm dao rựa) rồi đi lối cầu thang bộ lên tầng 4 để tiếp tục giải quyết mâu thuẫn với Sơn, H, T.

Khi đến đoạn cầu thang giữa tầng 3 với tầng 4, L đi qua Đ thì gặp H và Dân. L nói với H “bây giờ mày thích gì”, H đã thách thức lại L “anh thích làm sao”. L dùng phần khuỷu tay trái đè vào cổ H, đẩy H vào sát tường, tay phải cầm dao phay chém một nhát vào trán H. H dùng hai tay ôm chặt vào người L, thì lúc đó T chạy xuống từ trên tầng 4 xuống dùng chân đạp vào đầu L. T chạy ngược lên vào phòng 8888 tầng 4 lấy 4 chai bia để xuống đánh L. Đ thấy H bị chém thì chạy đến chửi bới L, giữa hai người xảy ra việc chửi bới thách thức nhau, L đẩy được H ra thì con dao phay cầm ở tay phải của L bị rơi xuống bậc cầu thang. Ngay lúc đó, Đ lấy con dao bầu trong túi nylon (trước đó đã giật dao lại từ tay T) chém liên tiếp nhiều nhát vào người L trong đó có một nhát vào tay phải, một nhát vào tay trái, một nhát vào đùi phải, một nhát vào ngực phải của L gây thương tích. Khi bị chém, L chuyển con dao rựa ở tay trái sang tay phải rồi chém một nhát vào tay phải của Đ. Sau đó Đ và L liên tục dùng dao ở tay phải chém với về phía nhau nhưng không trúng. L vừa chém Đ vừa lùi dần lên tầng 4, Đ vừa chém L vừa tiến lên theo.

L đi lùi lên hết tầng 3 lên tầng 4 thì T đứng phía sau cầm một chai bia ở tay đập một nhát vào đầu L. L bỏ chạy về phía cửa thoát hiểm tầng 4 thì T cầm một chai bia ở tay phải ném vào lưng L. Đ cầm dao bầu đuổi theo L, H nhặt con dao phay của L nhanh chóng đuổi theo L. Khi L chạy đến gần cửa thoát hiểm thì do nền hành lang bị trơn nên L bị ngã ngửa ra sàn, Đ đuổi theo sau cũng bị ngã ngửa phía sau L. Thấy Đ ngã, L ngồi dậy cầm dao ở tay phải chém nhiều nhát vào người Đ, một nhát vào mu bàn chân phải, một nhát vào trán của Đ. T thấy Đ bị chém thì liên tục dùng chai bia ném về phía người L nhưng không trúng. H

thấy Đ bị chém thì cầm dao ở tay phải giơ lên định chém L nhưng do thấy L đang cầm dao đứng dậy được và L to khỏe hơn nên H không dám chém L nữa mà chạy ngược lại phía sau. Thấy vậy, L cũng bỏ chạy theo lối thoát hiểm xuống tầng 1 và đi sang nhà hàng bên cạnh. Sau đó T, Đ, H đi lối cầu thang xuống tầng 1. H lấy một chai bia T mang xuống, đập vỡ phần dít chai cầm ở tay phải, tay trái cầm con dao phay của L rồi đi lại ở cửa quán Melody vừa chửi bới vừa đi tìm L nhưng không thấy. Sau đó, lực lượng công an có mặt đưa L, Đ, H đi bệnh viện điều trị thương tích.

Bản kết luận giám định pháp y số 184/2018/TgT ngày 08/5/2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận Phạm Ngọc L (Đ) có các thương tích sau: “vết thương đùi phải dài 15cm, sâu sát lớp bao cơ tứ đầu đùi; vết thương cẳng tay trái dài 07cm, vết thương lóc da; vết thương thành ngực phải dài 07cm, tổn thương lớp da; vết thương khuỷu tay phải dài 05cm thấu khớp khuỷu đứt bao khớp, cơ tam đầu, cơ gấp cánh tay; xây xát da thành bụng phải”. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên là 25 %. Các vết xây xước da vùng cánh tay phải và hố chậu phải không đủ lớn để đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể; các thương tích trên có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên. Trong đó: vết thương ngực phải có hướng từ trước ra sau, chệch từ trên xuống dưới, từ phải sang trái; vết thương cẳng tay phải có hướng từ trên xuống dưới và chệch từ trước ra sau (cẳng tay ở tư thế gấp gần như vuông góc); vết xây xước da mặt sau cánh tay phải có hướng gần như vuông góc với bề mặt da tổn thương; vết thương liên vết xây xước da mặt sau cánh tay và khuỷu tay phải có hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau; vết thương đùi phải có hướng gần như vuông góc với bề mặt da tổn thương; vết xây xước da vùng hố chậu phải có đặc điểm do tác động tương hỗ với vật tày gây nên”.

Bản kết luận giám định pháp y số 213/2018/TgT ngày 15/5/2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận Đinh Xuân S “vùng thái dương trái có 01 vết thương rách dập da đã liền sẹo chắc, dính, kích thước 02 x 02cm. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do thương tích trên gây nên là 01 %. Thương tích trên có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng có thể sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên theo hướng chủ yếu từ trái sang phải, có thể hơi chệch từ trên xuống dưới”.

Bản kết luận giám định pháp y số 232/2018/TgT ngày 16/5/2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận Nguyễn Văn H có “vết thương rách da vùng trán kích thước 03 x 02cm, bờ mép nham nhở, sâu sát xương. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do thương tích trên gây nên là 01%. Thương tích trên có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng có thể sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên theo hướng gần như vuông góc với bề mặt da nơi tổn thương”.

Bản kết luận giám định pháp y số 185/2018/TgT ngày 01/6/2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận Nguyễn Khắc Trọng Đ có các thương tích sau: “vết thương vùng trán phải dài 04cm, mẻ xương trán; vết thương mặt trước

1/3 giữa cẳng tay phải dài 02cm; vết thương mu bàn chân phải gây đứt hoàn toàn gân duỗi ngón II, gân duỗi chung và riêng ngón I, II, IV, mẽ xương bàn ngón III, IV. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên là 23%. Các thương tích trên có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên. Trong đó: vết thương vùng trán phải và cẳng tay phải có chiều hướng từ trước ra sau và gần như vuông góc với bề mặt da nơi tổn thương gây nên; vết thương mu bàn chân phải có hướng gần như vuông góc với bề mặt da nơi tổn thương gây nên”.

Vật chứng của vụ án: 01 con dao (dạng dao bầu) dài 44,5cm, trong đó: phần bản dao bằng kim loại màu đen dài 28,7cm, chỗ rộng nhất dài 06cm, phần tay cầm bằng gỗ màu nâu đen dài 40cm, bên ngoài quấn băng keo màu trắng; 01 con dao (dạng dao phay) dài 35,3cm, trong đó: phần bản dao dạng hình chữ nhật bằng kim loại màu đen, kích thước (23 x 5,8)cm, phần tay cầm hình trụ tròn bằng gỗ màu đen dài 12,3cm, hai bên đầu tay cầm có đai kim loại bọc bên ngoài; 01 con dao (dạng dao rựa) dài 44cm bằng kim loại (sắt), trong đó, phần bản dao dạng hình chữ nhật màu nâu dài 32cm, phần tay cầm hình trụ tròn dài khoảng 12cm là vật chứng của vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Phạm Ngọc L bồi thường cho anh Đinh Xuân S số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho Nguyễn Văn H số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho Nguyễn Khắc Trọng Đ số tiền 14.000.000 đồng. S, H, Đ không yêu cầu L bồi thường gì thêm.

Nguyễn Khắc Trọng Đ bồi thường cho Phạm Ngọc L số tiền 15.000.000 đồng; Lê Văn T bồi thường cho Phạm Ngọc L số tiền 1.500.000 đồng; Nguyễn Văn H đã bồi thường cho Phạm Ngọc L số tiền 1.500.000 đồng. L không yêu cầu Đ, T và H bồi thường gì thêm.

Ông Nguyễn Quang S là chủ quán Karaoke Melody không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 08-3-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Khắc Trọng Đ, Phạm Ngọc L, Lê Văn T, Nguyễn Văn H về tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 với tình tiết được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đ, L, T và H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc bị truy tố, xét xử các bị cáo là không sai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo chỉ vì va chạm, mâu thuẫn nhỏ trong lúc đi hát karaoke, nhưng do thiếu hiểu biết, nóng giận nhất

thời không làm chủ được hành vi dẫn đến việc gây thương tích cho nhau và cho người khác. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho nhau, không ai yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét. Bị cáo L có ông, bà nội đều là người có công với cách mạng và được Nhà nước tặng Huân chương. Các bị cáo T và H là người chưa thành niên. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về án treo, xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc Trọng Đ mức án từ 33 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về án treo, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L mức án từ 30 đến 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về án treo, xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng về tội Cố ý gây thương tích. Tuy nhiên, chỉ buộc bị cáo phải chịu ba phần tư mức phạt tù áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về án treo, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 24 đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng về tội Cố ý gây thương tích. Tuy nhiên, chỉ buộc bị cáo phải chịu ba phần tư mức phạt tù áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (dạng dao bầu) dài 44,5cm, trong đó: phần bản dao bằng kim loại màu đen dài 28,7cm, chỗ rộng nhất dài 06cm, phần tay cầm bằng gỗ màu nâu đen dài 40cm, bên ngoài quấn băng keo màu trắng; 01 con dao (dạng dao phay) dài 35,3cm, trong đó: phần bản dao dạng hình chữ nhật bằng kim loại màu đen, kích thước (23 x 5,8)cm, phần tay cầm hình trụ tròn bằng gỗ màu đen dài 12,3cm, hai bên đầu tay cầm có đai kim loại bọc bên ngoài; 01 con dao (dạng dao rựa) dài 44cm bằng kim loại (sắt), trong đó, phần bản dao dạng hình chữ nhật màu nâu dài 32cm, phần tay cầm hình trụ tròn dài khoảng 12cm là vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Những người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc L: Hoàn toàn nhất trí về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các điểm, khoản, điều luật áp dụng đối với bị cáo mà Viện Kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết sau: Xuất phát từ những hành vi tác động liên tiếp, lập đi, lập lại của bị hại và các bị cáo khác làm cho bị cáo L lâm vào trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến quá nhiều dồn nén, bức xúc và mất khả năng tự chủ, không thấy hết được tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của bản thân, nên bị cáo L mới gây thương tích cho Sơn, H và Đ; hành vi của các bị cáo Đ, T, H đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và gây thương tích cho L với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 25%, bị cáo L gây thương tích cho Sơn là 01%, H là 01% và gây thương tích cho Đ là 23% nên các hành vi chống trả của bị cáo L có thể xem là trường hợp phòng vệ chính đáng; bị cáo L là lao động chính, đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà nội và bị cáo lần đầu phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an quận Đồ Sơn, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 14-4-2018, tại quán Karaoke Melody thuộc Khu I,

Vạn Sơn, Đồ Sơn, do có mâu thuẫn với nhau từ trước nên Nguyễn Khắc Trọng Đ, Lê Văn T, Nguyễn Văn H đã tham gia gây thương tích cho Phạm Ngọc L, trong đó Đ trực tiếp dùng dao gây thương tích cho L với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 25%; L dùng dao gây thương tích cho Đ với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 23%.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự công cộng, an ninh, an toàn xã hội tại địa phương. Con dao mà Đ trực tiếp dùng gây thương tích cho L và con dao mà L dùng gây thương tích cho Đ là hung khí nguy hiểm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[4] Vì vậy, có đủ căn cứ đề Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Khắc Trọng Đ, Lê Văn T, Nguyễn Văn H và Phạm Ngọc L đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo Đ, T và H thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, đây chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng tham gia gây thương tích cho bị cáo L khi hai bên xảy ra xô xát, không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công công việc cụ thể. Bị cáo Đ là người trực tiếp dùng dao gây thương tích cho L nên phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo T và H.

[6] Tại phiên tòa, những người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc L không tranh luận gì về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các điểm, khoản, điều luật áp dụng đối với bị cáo L mà đại diện Viện Kiểm sát đã luận tội và đề nghị. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm e, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử, xét thấy việc đề nghị cho bị cáo L được hưởng tình tiết phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần, phòng vệ chính đáng, phạm tội lần đầu và là lao động chính. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ của vụ án và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, cho thấy: Các bị cáo L, H, T và một số người khác, trong đó có anh Đinh Xuân S đều là thành viên của đội bóng đá, cùng nhau hát Karaoke tại quán, trong quá trình hát giữa T, H với L xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc xô đẩy nhau và được can ngăn, H và T đi về, anh S và L ngồi nói chuyện thì xảy việc mâu thuẫn, L đã gây thương tích cho anh S và được mọi người can ngăn, L đi về nhà lấy dao rồi quay lại quán, tiếp đó T, H, Đ đến quán và tại đây mới xảy ra việc các bị cáo gây thương tích cho nhau. Như vậy, cả 02 va chạm, bị cáo L đều là người chủ động gây thương tích cho anh Đinh Xuân S và Nguyễn Văn H trước nên việc phạm tội của bị cáo L không thuộc trường hợp bị kích động về tinh thần, phòng vệ chính đáng; về tình tiết

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng trong vụ án này bị cáo L phạm tội nghiêm trọng nên không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu; tại phiên tòa, người bào chữa cho rằng bị cáo là lao động chính nhưng không có tài liệu gì để chứng minh. Do vậy, việc người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm e, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bên đều có lỗi dẫn đến việc gây thương tích cho nhau và đều đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho nhau nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo L có ông, bà nội là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo T và H chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Lẽ ra phải phạt bị cáo T là 27 tháng và bị cáo H là 24 tháng tù, nhưng buộc các bị cáo chỉ phải chịu ba phần tư mức phạt tù áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng. Như vậy, bị cáo T chỉ phải chịu mức phạt tù là 20 tháng và bị cáo H là 18 tháng.

[10] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T và H khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Xét thấy, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình; từ khi được áp dụng thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh và cấm đi khỏi nơi cư trú, các bị cáo không có vi phạm gì, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội và có khả năng tự cải tạo. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đưa ra các chứng cứ buộc tội, các điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và văn bản pháp luật khác, đề nghị áp dụng cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và có căn cứ nên không nhất thiết phải bắt các bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ cần xử cho các bị cáo được hưởng án treo, cũng đủ tác dụng, giáo dục và phòng ngừa chung.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho nhau, không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao (dạng dao bầu) dài 44,5cm, trong đó: phần bản dao bằng kim loại màu đen dài 28,7cm, chỗ rộng

nhất dài 06cm, phần tay cầm bằng gỗ màu nâu đen dài 40cm, bên ngoài quấn băng keo màu trắng; 01 con dao (dạng dao phay) dài 35,3cm, trong đó: phần bản dao dạng hình chữ nhật bằng kim loại màu đen, kích thước (23 x 5,8)cm, phần tay cầm hình trụ tròn bằng gỗ màu đen dài 12,3cm, hai bên đầu tay cầm có đai kim loại bọc bên ngoài; 01 con dao (dạng dao rựa) dài 44cm bằng kim loại (sắt), trong đó, phần bản dao dạng hình chữ nhật màu nâu dài 32cm, phần tay cầm hình trụ tròn dài khoảng 12cm là vật chứng của vụ án.

Về các vấn đề khác:

[13] Đối với Anh Đinh Xuân S và Nguyễn Văn H bị Phạm Ngọc L gây thương tích (anh S bị tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, H bị tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%). Quá trình điều tra, anh S và H có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với L nên Cơ quan điều tra đình chỉ đối với yêu cầu của anh S và H là đúng.

[14] Đối với Lê Văn T trong quá trình tham gia gây thương tích, T bị thương nhẹ ở ngón số 4 bàn tay trái nhưng từ chối giám định, cam đoan không đề nghị gì khác nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[15] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Khắc Trọng Đ 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo,

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Ngọc L 30 (*Ba mươi*) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo,

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử

phạt: Lê Văn T 20 (Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo,

Giao các bị cáo Nguyễn Khắc Trọng Đ, Phạm Ngọc L và Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn H 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo,

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao (dạng dao bầu) dài 44,5cm, trong đó: phần bản dao bằng kim loại màu đen dài 28,7cm, chỗ rộng nhất dài 06cm, phần tay cầm bằng gỗ màu nâu đen dài 40cm, bên ngoài quấn băng keo màu trắng;

- 01 (một) con dao (dạng dao phay) dài 35,3cm, trong đó: phần bản dao dạng hình chữ nhật bằng kim loại màu đen, kích thước (23 x 5,8)cm, phần tay cầm hình trụ tròn bằng gỗ màu đen dài 12,3cm, hai bên đầu tay cầm có đai kim loại bọc bên ngoài;

- 01 (một) con dao (dạng dao rựa) dài 44cm bằng kim loại (sắt), trong đó: phần bản dao dạng hình chữ nhật màu nâu dài 32cm, phần tay cầm hình trụ tròn dài khoảng 12 cm;

(Các vật chứng trên được giao nhận theo Biên bản bàn giao đồ vật, tài sản bị tạm giữ ngày 11-3-2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Khắc Trọng Đ, Phạm Ngọc L, Lê Văn T và Nguyễn Văn H,

Buộc các bị cáo Nguyễn Khắc Trọng Đ, Phạm Ngọc L, Lê Văn T và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo Nguyễn Khắc Trọng Đ, Phạm Ngọc L, Lê Văn T và Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh Đinh Xuân S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang S có quyền kháng cáo phần bản án và hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06, PC10);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm